

TỈNH ỦY BÌNH ĐỊNH

*

Số 109-KH/TU



Tỉnh ủy Bình Định
Tỉnh ủy Bình Định
16-09-2024 13:52:52
+07:00

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

★ Bình Định, ngày 12 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới

HUYỆN ỦY THY PHƯỚC
VĂN BẢN ĐẾN QUA MẠNG
Số đến:.....1229.....
Ngày đến: 23/9/2024
Chuyên:.....

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (Nghị quyết số 42-NQ/TW), Kế hoạch số 19-KH/TW ngày 27/11/2023 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết 42-NQ/TW (Kế hoạch số 19-KH/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Triển khai, quán triệt, đẩy mạnh công tác tuyên truyền tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các hội, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, tầm quan trọng của chính sách xã hội và các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Xác định các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW trên địa bàn tỉnh.

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW phải đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, phù hợp với đặc điểm tình hình, nhiệm vụ chính trị, thực tiễn của từng địa phương, cơ quan, đơn vị; tăng cường kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết tình hình và kết quả thực hiện.

II - MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách xã hội theo quy định của Trung ương, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất

lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 2,45%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%.

- 41,2% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội và 34,2% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

- 41,5% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội.

- 100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định; bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo.

- Tỷ lệ huy động trẻ em độ tuổi nhà trẻ đến trường đạt ít nhất 40%, tỷ lệ huy động trẻ em độ tuổi mẫu giáo đến trường đạt ít nhất 98%. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi; tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%, cấp trung học cơ sở tối thiểu đạt 95%, cấp trung học phổ thông và tương đương tối thiểu đạt 75%.

- Bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế; tuổi thọ trung bình của người dân khoảng 75,5 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm; chỉ số phát triển con người (HDI) thuộc nhóm cao trong khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; 43 giường bệnh viện, 11 bác sĩ, 2 dược sĩ, 28 điều dưỡng và hộ sinh trên 10.000 dân; trên 97% dân số tham gia bảo hiểm y tế; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng 14 loại vắc xin đạt trên 95%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 8%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ bệnh sốt rét.

- Hoàn thành đầu tư xây dựng 12.900 căn nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp.

- Xóa hoàn toàn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đạt khoảng 32 m² sàn/người.

- 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý.

- Có ít nhất 75% người dân ở vùng sâu, vùng xa, hải đảo; 80% các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hoá, nghe, xem các kênh phát thanh, truyền hình của Quốc gia và địa phương.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện chính sách xã hội toàn diện, bền vững, tiên bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phát triển con người toàn diện (chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh nằm trong nhóm cao trong toàn quốc).

III - NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Xây dựng nội dung và phương pháp tuyên truyền, vận động phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực và hiệu quả. Chú trọng nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của chính sách xã hội trong giai đoạn mới.

3. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về chính sách xã hội của tỉnh, bảo đảm thống nhất đồng bộ, khả thi, phù hợp với các quy định của pháp luật và từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết; kịp thời phát hiện, khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội; tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến.

5. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết; có giải pháp, lộ trình và phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, đơn vị, địa phương.

IV - NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, triển khai công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết đến các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn.

Thời gian hoàn thành: Quý IV/2024.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân

Chỉ đạo tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về chính sách xã hội, trên cơ sở đó rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách về chính sách xã hội.

Thời gian thực hiện: Hằng năm

3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh đoàn

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và các tầng lớp Nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chính sách xã hội.

Tăng cường giám sát, phản biện xã hội trong thực hiện các chính sách xã hội.

Thời gian thực hiện: Hằng năm

4. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chủ trì, chỉ đạo xây dựng ban hành kế hoạch, đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Kế hoạch này.

- Chỉ đạo việc nghiên cứu rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách liên quan đến chính sách xã hội giai đoạn 2020 - 2025; tập trung chỉ đạo, bố trí nguồn lực tương xứng để thực hiện đạt và vượt các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra giai đoạn 2020 - 2025; tổng kết, đánh giá việc thực hiện chính sách xã hội giai đoạn 2020 - 2025, trên cơ sở đó xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2025 - 2030 sát với Nghị quyết số 42-NQ/TW và tình hình thực tiễn tại địa phương.

Thời gian thực hiện: Quý IV/2024

5. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- Chỉ đạo cụ thể hóa để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết số 42-NQ/TW và nhiệm vụ trọng tâm trong Kế hoạch này.

- Tập trung chỉ đạo khắc phục những hạn chế, tồn tại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách xã hội trên địa bàn.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên

Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, chỉ đạo các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Kế hoạch này; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Ban cán sự đảng Bộ Lao động - TB&XH,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các đảng đoàn, Ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- CPVP, CVK8,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



Lê Kim Toàn

HUYỆN ỦY TUY PHƯỚC

*

Số 206-BS/HU

Nơi nhận:

- Các đ/c UVBTV Huyện ủy,
- Ủy ban nhân dân huyện,
- Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

SAO Y

Tuy Phước, ngày 24 tháng 9 năm 2024

T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG



Đặng Thị Bích Dâng